

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM  
THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH**

*Phúc giảng lần thứ hai: Cô Lưu Tố Vân*

*Thời gian: 09/08/2021*

*Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa*

**Tập 75**

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Phần trước chúng tôi đã dùng thời gian ba tiếng đồng hồ để giảng xong kinh văn phẩm thứ 31. Tiếp theo quy nạp một chút phần trọng điểm của phẩm kinh văn này.

Trọng điểm của kinh văn phẩm 31, phẩm kinh văn này có 16 trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: Trí tuệ từ đâu mà có? Vì sao trí tuệ vốn có trong tự tánh của chúng ta không thể hiển hiện ra? Một câu của Thế Tôn đã nói toạc ra bí mật, bí mật đó là gì? Trí tuệ là tự tánh vốn sẵn có, chẳng phải cầu từ bên ngoài. Trí tuệ mà tự tánh vốn có không thể hiển hiện ra là do bị vọng tưởng, chấp trước chướng ngại rồi. Bí mật mà một lời của Thế Tôn đã nói toạc ra là: Hết thấy chúng sanh đều có đức tướng, trí tuệ của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước mà không thể chứng đắc. Hết thấy bậc thánh thể xuất thế gian đều chưa nói được thấu triệt điều này, chỉ có Thích-ca Mâu-ni Phật một lời đã nói toạc vấn đề này cho chúng ta.

Trọng điểm thứ hai: Ba thứ bậc tu học pháp môn niệm Phật của Tịnh độ là gì? Đối chiếu với tình hình tu hành của bản thân thì bạn đang ở tầng thứ mấy? Tầng thứ nhất: công phu niệm Phật thành phiên là A-la-hán. Tầng thứ hai: Sự nhất tâm bất loạn là Bồ-tát. Tầng thứ ba: lý nhất tâm bất loạn là Phật.

Trọng điểm thứ ba: Cư sĩ tại gia làm thế nào cúng dường pháp sư xuất gia một cách như pháp? Cúng dường không như pháp thì có nguy hại gì?

Trọng điểm thứ tư: Đệ tử Phật phải xem trọng uy đức, chú ý đến phong độ, hình tượng của chúng ta chính là hình ảnh của Phật giáo, nếu hình tượng của bạn tốt, có uy đức, có khí chất, có phong độ thì đó là mô phạm bậc nhất cho chúng sanh, sự mô phạm này rất quan trọng, chúng ta thông thường gọi là “ấn tượng đầu tiên”. Vì vậy chúng ta phải chú ý đến hình tượng của bản thân, hình tượng của chúng

ta càng tốt đẹp thì độ càng nhiều chúng sanh. Lão pháp sư nhiều lần dạy chúng ta, phải làm ra tấm gương tốt cho chúng sanh, đừng làm gương xấu. Đối chiếu với lời nói hành vi cử chỉ của bản thân thì bạn đã làm được thế nào rồi?

Trọng điểm thứ năm: Đối mặt với nhiều sự ô nhiễm trong xã hội trước mắt như vậy, bạn làm thế nào để ngăn ngừa những ô nhiễm này? Hãy nói ra kinh nghiệm của bạn hoặc nói ra lời chỉ giáo của bạn cũng được.

Trọng điểm thứ sáu: Ân huệ lớn nhất mà chư Phật Bồ-tát dành cho chúng sanh là gì? Bạn có những linh hội cụ thể nào? Đó là [các ngài] giảng kinh thuyết pháp cho chúng ta, khiến chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật, khiến chúng ta có thể thật sự giác ngộ, đạt được lợi ích chân thật.

Trọng điểm thứ bảy: Người như thế nào thì dễ dính ma? Người như thế nào thì dễ bị dựa? Làm thế nào giải quyết vấn đề này? Người âm khí nặng, không đủ dương khí; người tâm nghi ngờ nặng, ý niệm bất thiện nhiều; người vọng niệm nhiều, cả ngày nghĩ ngợi lung tung; người thích thần thông, truy cầu thần thông, thích cảm ứng, truy cầu cảm ứng; người lúc nào cũng ra vẻ thần bí, giả thần giả quỷ; người không có chánh tri chánh kiến, dễ bị dao động; người tín ngưỡng hỗn loạn, thứ gì cũng tin, thứ gì cũng cúng nhưng đều là tin mà không hiểu rõ, cúng mà chẳng hiểu rõ. Những loại người kể trên dễ bị dính ma, dễ bị dựa thân. Người thật sự thật thà niệm Phật thì một người cũng chẳng dính ma, một người cũng không bị dựa thân. Vì sao vậy? Bởi vì người thật sự niệm Phật thì được Phật quang soi chiếu, có 25 vị Bồ-tát bảo hộ. Làm thế nào giải quyết vấn đề này? Hãy thật thà niệm Phật.

Trọng điểm thứ tám: Phước điền lớn nhất là gì? Bạn làm thế nào trồng phước điền? Phước điền lớn nhất là Phật pháp, chẳng phải là Phật pháp trên hình thức, mà là Phật pháp thực chất, phải có tuệ nhãn mới nhận ra được ngọc, đừng trồng phước điền sai lầm.

Trọng điểm thứ chín: Người từ mười phương thế giới vãng sanh đến thế giới Cực Lạc đều thuần nhất là Phổ Hiền Bồ-tát, điều này cực kỳ thù thắng.

Trọng điểm thứ mười: Chúng ta đã nghe kinh mấy mươi năm đều không khai ngộ, thậm chí nghe sai ý, hiểu lệch lạc, do nguyên nhân gì gây nên? Do phân biệt,

chấp trước, chấp tướng. Chấp tướng danh tự, chấp tướng ngôn thuyết, chấp tướng tâm duyên. Hễ chấp ba tướng này thì đã đóng bít cửa ngộ rồi.

Trọng điểm thứ mười một: Hãy nói về cảm ngộ của bạn đối với hai đoạn khai thị của đại sư Ấn Quang. Đoạn thứ nhất: Tâm Bồ-tát bao trùm hư không, lượng trải khắp hằng sa thế giới, lấy tâm của chúng sanh làm tâm, lấy cảnh của chúng sanh làm cảnh. Đoạn thứ hai: Xử thế thanh tịnh như hoa sen, sanh nơi bùn lầy chẳng vấy bẩn, đối cảnh vô tâm không tì vết, bản lai diện mục trọn thấy rồi.

Trọng điểm thứ mười hai: Hoằng pháp lợi sanh thì phải tuân thủ hai lời răn dạy nào? Không chấp vào tướng, như như bất động. Làm được hai câu này rồi thì bạn đã nhập vào cảnh giới Hoa Nghiêm: lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, bạn mới chân thật được đại tự tại.

Trọng điểm thứ mười ba: Lời dạy của đại sư Ấn Quang về ngoại đạo, bạn nhận thức như thế nào? Bạn đã từng bị ngoại đạo dụ hoặc chưa?

Trọng điểm thứ mười bốn: Người tu hành vì sao phải giữ tâm chánh trực? Làm thế nào làm được giữ tâm chánh trực? Tâm của bạn đã chánh trực chưa?

Trọng điểm thứ mười lăm: Nắm được phần cốt yếu về mười loại trí thiện xảo trong sự tu hành của Bồ-tát. Một là trí thiện xảo liễu đạt Phật pháp thậm thâm, hai là trí thiện xảo xuất sanh Phật pháp rộng lớn, ba là trí thiện xảo tuyên nói các thứ Phật pháp, bốn là trí thiện xảo chứng nhập Phật pháp bình đẳng, năm là trí thiện xảo hiểu rõ Phật pháp sai biệt, sáu là trí thiện xảo biết được Phật pháp không sai biệt, bảy là trí thiện xảo thâm nhập trang nghiêm Phật pháp, tám là trí thiện xảo một phương tiện nhập Phật pháp, chín là trí thiện xảo vô lượng phương tiện nhập Phật pháp, mười là trí thiện xảo biết vô biên Phật pháp chẳng sai biệt.

Trọng điểm thứ mười sáu: Bạn có thể giải thích một chút hai câu kinh văn “luận pháp không chán, cầu pháp không mỗi một” không? Ai là tấm gương luận pháp không chán? Ai là tấm gương cầu pháp không mỗi một? Là lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không và tỳ-kheo Pháp Tạng.

Tiếp theo sẽ giảng kinh văn phẩm 32:

## **THỌ LẠC VÔ CỰC ĐỆ TAM THẬP NHỊ**

Phẩm kinh văn này là Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta thọ lượng vô cực và niềm vui vô cực của các Bồ-tát ở thế giới Tây Phương Cực Lạc. Hai loại vô cực này nếu dựa vào sự tưởng tượng của chúng ta thì bất luận thế nào cũng không thể tưởng tượng nổi. Cho nên toàn bộ kinh văn phẩm này đã nêu rõ sự thù thắng và hay đẹp của thế giới Cực Lạc. Phật khuyên chúng ta thật thà niệm Phật, cầu sanh Tịnh độ, thân cận chư thượng thiện nhân.

Trong bốn chữ “thọ lạc vô cực” này có Cực, có Lạc, gọi là thế giới Cực Lạc. A-di-đà Phật lập nên đạo tràng này để cho chúng ta có chỗ nương về, ân của Phật khó báo đáp được!

Từ kinh văn phẩm này trở đi đến phẩm thứ 48 là kết thúc thì Bồ-tát Di-lặc là đương cơ, dụng ý rất sâu sắc.

Mời xem kinh văn bên dưới:

**Phật cáo Di-lặc Bồ-tát, chư thiên nhân đấng, Vô Lượng Thọ quốc, Thanh văn Bồ-tát, công đức trí tuệ, bất khả xưng thuyết. Hựu kỳ quốc độ, vi diệu an lạc, thanh tịnh nhược thử, hà bất lực vi thiện, niệm đạo chi tự nhiên.**

*Phật bảo Di-lặc Bồ-tát và chúng trời người rằng: “Công đức trí tuệ của Thanh văn, Bồ-tát ở cõi Vô Lượng Thọ không thể nói hết được. Cõi nước kia lại vi diệu, an lạc, thanh tịnh như vậy, sao không gắng sức làm thiện, niệm đạo đến tự nhiên?”*

Ý nghĩa khái quát của đoạn kinh văn này là: Phật nói với Bồ-tát Di-lặc và đại chúng tham dự hội rằng: cõi Vô Lượng Thọ tức là thế giới Cực Lạc, là cõi nước của A-di-đà Phật, công đức trí tuệ của các Thanh văn, Bồ-tát nơi đó không thể nói hết được. Thanh văn ở đây đã xa lìa cảnh giới Nhị thừa, đều đã phát tâm đại Bồ-đề, nhưng trình độ đoạn hoặc của họ chỉ tương đương với Thanh văn, chỉ đã đoạn kiến hoặc và tư hoặc. Thanh văn ở đây là nói dựa trên trình độ đoạn hoặc. Lại nữa cõi nước kia đã vi diệu, an lạc như vậy, sao không gắng sức làm thiện, niệm đạo đến tự nhiên?

“Vi diệu, an lạc, thanh tịnh”, Hội Sớ giải thích là: trang nghiêm, siêu tuyệt, trang nghiêm vượt hơn tất cả nên gọi là “vi diệu”, chẳng có khổ não nên gọi là “an lạc”. Cõi nước đó là tướng vô lậu, không giống với thế giới này của chúng ta,

hết thấy đều là hữu lậu. Nước, chim, rừng cây ở nơi đó đều là tướng do công đức vô lậu hiện ra, là tướng do thật tướng hiện ra. Thật tướng là vô tướng, chẳng phải không có tướng. Thật tướng vô tướng, nhưng nó lại chẳng phải là không có tướng, không có tướng cũng là tướng. Thế nên hai lần phủ định “chẳng phải không có tướng”, phủ định của phủ định là khẳng định. Thật tướng có thể hiện ra hết thấy tướng, tướng mà thật tướng hiện ra là thanh tịnh, vì vậy thế giới Cực Lạc vi diệu, thanh tịnh, an lạc đến như vậy.

*“Sao không gắng sức làm thiện, niệm đạo đến tự nhiên?”*

Đây là lời của Thích-ca Mâu-ni Phật nói với các đệ tử trong hội khi đó. Tịnh Ảnh Sớ giải thích: Gắng sức làm thiện chính là cố sức hành thiện. “Niệm đạo đến tự nhiên” là niệm Phật tự nhiên thì vắng sanh, không cần bản thân bạn tốn sức lực gì cả, tự nhiên bèn đạt được thì gọi là “niệm đến tự nhiên”. Thế nên sao không gắng sức làm thiện, niệm đạo đến tự nhiên, hoàn toàn quy về pháp môn niệm Phật.

Đây cũng là một câu nói hết sức cảm thán của Thế Tôn, Tây Phương Tịnh độ tốt đẹp vô hạn, tất cả chúng sanh vì sao không nỗ lực làm thiện, cầu sanh Tịnh độ?

Hội Sớ giải thích “niệm đạo đến tự nhiên” theo hai cách.

Cách giải thích thứ nhất: Bản nguyện của A-di-đà Phật là đại đạo tha lực, gia bị cho người khi lâm chung không bị rối loạn. Phật dùng sức tam-muội khiến người lâm chung cũng nhập tam-muội, nhân đó mà tự nhiên sinh ra chánh niệm, theo Phật vắng sanh. Điều này vô cùng tự nhiên, chẳng phải chính mình tạo tác, cũng chẳng phải sức lực của bản thân có thể đạt được, đó gọi là tự nhiên.

Cách giải thích thứ hai: Tự nhiên là được chứng đắc bởi pháp Tam thừa, tức là tự nhiên vô vi, hễ hữu vi thì không tự nhiên rồi. Vô vi là tự nhiên như thế, chẳng phải do tạo tác mà thành. Con người cũng là như vậy, có người rất chân thật, có người rất giả tạo; một cái là thật, một cái là giả, kẻ giả tạo so với người thật thà thì kém rất xa. Người không có trí tuệ thì cho kẻ giả tạo kia rất có đạo đức, rất không tầm thường, kỳ thực kẻ giả tạo chính là kẻ “đạo đức giả” mà chúng ta thường nói. Pháp Tam thừa là tự nhiên vô vi, không có tạo tác, nên gọi là tự nhiên.

Trong hai cách giải thích về “tự nhiên” của Hội Sớ, thì dùng tha lực vượt thặng [khỏi tam giới] làm chính, cách nói này hợp với sự áo diệu của Tịnh độ tông, hai loại tự nhiên hàm nhiếp lẫn nhau. Từ trên sự mà trì danh thì có thể tự nhiên không hay

không biết mà đạt được lý tri, đạt được lý tri thì đó chính là vô vi vô tác. Loại tự nhiên thứ hai cũng có thể được bao hàm trong loại thứ nhất.

Tiếp theo chúng tôi dùng một đoạn lớn trong hai bản dịch của thời Hán và thời Ngô đều có chữ “tự nhiên”, tám chỗ tự nhiên là: tự nhiên nghiêm trang chỉnh tề, tự nhiên an trụ trong pháp vô vi, tự nhiên gìn giữ, tướng tự nhiên của tự nhiên, tự nhiên tự có căn bản, tự nhiên quang minh sắc tướng xoay chuyển nhập lẫn vào nhau, tự nhiên bị kéo theo, cộng với “niệm đạo đến tự nhiên” của phần trên, tổng cộng là tám “tự nhiên”. Tự nhiên này chẳng phải là sự tự nhiên không do nguyên nhân gì mà ngoại đạo chủ trương. Đạo gia thường dùng hai từ “vô vi”, chúng ta vẫn dùng, cũng chẳng ngại gì, nhưng ý của chúng ta sâu hơn họ. “Tự” chính là tự tánh, “nhiên” là thanh tịnh bản nhiên. Tự tánh vốn sẵn thanh tịnh như vậy thì gọi là “tự nhiên”, cái vốn như vậy của tự tánh chính là chân như, thật tướng. Cho nên “niệm đạo đến tự nhiên” chính là trì danh niệm Phật, cũng chính là niệm thật tướng. Niệm Phật được vắng sanh chính là niệm đến tự nhiên. Trì danh niệm Phật chính là gắng sức làm thiện, niệm đến tự nhiên, đồng thời ở đây chính là niệm thật tướng.

Đại sư Ấn Quang dạy rằng: “Thật tướng niệm Phật chính là diệu hạnh trong các lời tu thông thường của tất cả pháp môn trong một thời giao hóa [của Như Lai]”. Vì sao nói trì danh chính là niệm thật tướng? Đại sư Ngẫu Ích giải thích hay nhất, Di-đà Yếu Giải có thể được xem là cương lĩnh để học tập Tịnh tông, trong đó nói: “Thật tướng không hai, mà cũng chẳng phải không hai”, cũng chẳng có không hai. [Vì thế,] toàn bộ thể của thật tướng có thể làm thành y báo và chánh báo, đều là thật tướng. Nói ngược lại là y báo cũng là thật tướng, chánh báo cũng là thật tướng. “Tạo thành tự, tạo thành tha, cho đến người nói, đối tượng được nói”, Phật ở phương khác là thật tướng, tôi cũng là thật tướng, người nói và kinh văn được nói [cũng là thật tướng]. “Người độ, kẻ được độ”, mua một ít cua phóng sanh, tôi là người độ, cua là kẻ được độ, Bồ-tát độ chúng ta thì Bồ-tát là người độ, chúng ta là kẻ được độ. “Người tin, pháp được tin”, chúng ta tin thế giới Cực Lạc, chúng ta là người tin, thế giới Cực Lạc là pháp được tin. “Người phát nguyện, điều được phát nguyện; người trì, pháp được trì; người sanh về, cõi để sanh về; người khen ngợi, đối tượng được khen ngợi không gì chẳng được chánh ấn của thật tướng in vào”. Tất cả những thứ này đều là thật tướng, đều từ con dấu này mà in ra. Trì danh chính là niệm thật tướng, là niệm đạo đến tự nhiên.

Những lời này của đại sư Ngẫu Ích cùng với câu “hết thầy đều thành Phật” trong kinh này và câu “hết thầy sự rốt ráo kiên cố” trong kinh Lăng-nghiêm đều đạt đến tột đỉnh trong ngôn giáo. Thế nên đại sư Ấn Quang tán thán rằng: Thích-ca Mâu-ni Phật đến viết chú giải cho kinh A-di-đà cũng không hay hơn ngài Ngẫu Ích. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ vì câu nói này mà bội phục Ấn tổ, ngài nói: Nếu không có cốt cách của kim cương thì chẳng dám nói như vậy. Hoàng Niệm lão tán thán đại sư Ấn Quang như vậy, chúng ta cũng nên tán thán Hoàng Niệm lão thế nào đây? Một vị đại đức có cốt cách kim cương trong cửa Phật nếu không phải là bậc tái lai thì liệu có thể nói ra lời như vậy không?

Từ xưa Trung Quốc xuất thánh hiền, từng đời từng đời truyền về sau  
Tiền nhân lót đường chúng ta đi, con đường rộng lớn thẳng về nhà  
Cơ duyên tốt đẹp phải nắm bắt, dứt khoát đừng để vuột trôi qua  
Hẹn gặp lại nhau nước An Dưỡng, vui thay chúng ta đều thành Phật.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Xuất nhập cúng dường, quán kinh hành đạo, hỷ nhạo cửu tập. Tài mãnh trí tuệ, tâm bất trung hồi, ý vô giải thời. Ngoại nhược trì hoãn, nội độc sử cấp. Dung dung hư không, thích đắc kỳ trung. Trung biểu tương ưng, tự nhiên nghiêm chỉnh. Kiểm liễm đoan trực, thân tâm khiết tịnh, vô hữu ái tham. Chí nguyện an định, vô tăng khuyết giảm. Cầu đạo hòa chánh, bất ngộ khuynh tà. Tùy kinh ước lệnh, bất cảm tha diệt, nhược ư thẳng mặc. Hàm vi đạo mộ, khoáng vô tha niệm, vô hữu ưu tư.**

*Ra vào cúng dường, quán kinh, hành đạo, vui thích tu tập dài lâu. Trí tuệ tài năng dũng mãnh, tâm không thoái chuyển giữa chừng, ý không lúc nào lười nhác. Ngoài tựa như an nhàn, bên trong luôn tinh tấn. Tâm dung hòa như hư không, khéo hợp trung đạo. Trong ngoài tương ưng, tự nhiên nghiêm chỉnh. Kiểm thúc, thân liễm, đoan nghiêm, chánh trực. Thân tâm khiết tịnh, chẳng có tham ái. Chí nguyện an định, không tăng chẳng giảm. Cầu đạo hòa chánh, không lầm theo tà. Tuân theo những ước thúc, giáo lệnh trong kinh, như giữ thừng mực, chẳng dám sơ sẩy. Đều vì mộ đạo, tâm rộng rang, không có ý niệm nào khác, chẳng có ưu tư.*

“Ra vào cúng dường”, Bồ-tát của thế giới Cực Lạc đến các thế giới đi cúng dường chư Phật là tu phước. “Quán kinh, hành đạo” là tu huệ. [Đối với] hai loại

phước huệ trang nghiêm bèn sanh vui thích, sanh pháp hỷ, pháp lạc, lại muốn tu tập dài lâu, không có giải đãi mệt mỏi. Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc không có thoái chuyển.

“*Trí tuệ tài năng đồng mãnh*”, tài năng đồng mãnh chính là kinh này tán thán tỳ-kheo Pháp Tạng “cao tài dũng triết, trội lạ hơn đời”. Cao tài dũng triết chính là trí tuệ tài năng đồng mãnh.

“*Tâm không thoái chuyển giữa chừng*”, “hồi” là thoái chuyển, giữa đường thoái chuyển, các ngài không có thoái chuyển giữa chừng. “*Ý không lúc nào lười nhác*”, không có giải đãi.

“*Ngoài tựa như an nhàn*”, “trì” là từ tốn, an tĩnh, chậm rãi; “hoãn” là thông thả. Bên ngoài dường như rất an tĩnh, rất thông thả. “*Bên trong luôn tinh tấn*”, “sử” là rất nhanh, “cấp” là gấp rút. Đây là nói bên ngoài an tĩnh, thông thả, trong tâm không ngừng tinh tấn, niệm niệm tiếp nối, chẳng có giải đãi, chẳng bỏ lỡ sát-na quán chiếu nào. Đại đức xưa nói rằng: “Khoảnh khắc thất niệm thì như người đã chết”, các ngài chẳng khi nào giống như người đã chết cả, cho nên gọi là “tinh tấn”.

“*Tâm dung hòa như hư không*”, “dung dung” nghĩa là hòa và đồng, có thể dung nhập nên gọi là “dung”. “Dung dung” là có thể dung hòa và tương đồng với mọi người, không có sáng tạo lập dị. Tâm của những thánh chúng này giống như hư không, hư không không có ngăn mé, hư không chẳng có một vật, tự tâm cũng không có một vật.

Hư không là trống không chẳng có gì, chẳng phải là sâm la vạn tượng. Cõi nước mười phương đều nương vào “không” mà sanh ra. Tâm của chúng ta cũng là như vậy, trong tâm có thể tạo ra vạn vật mà chẳng có một vật, chính là không rơi vào bên “có”, có thể dung chứa vạn vật mà không rơi vào bên “không”, không rơi vào hai bên. Chẳng có một vật nhưng lại có thể dung nạp vạn vật, cho nên chiếu soi cả “không” lẫn “có”. Chẳng có một vật là “không”, dung chứa vạn vật là “có”, “không” cũng chiếu soi mà “có” cũng soi chiếu, dung chứa vạn vật mà chẳng có vạn vật, “không” và “có” đều chẳng có. “Không” và “có” đều diệt mất thì tự nhiên bèn “khế hợp trung đạo”. Tự nhiên hợp với trung đạo, cho nên bèn thông dong ở trung đạo. “Thích” chính là thích hợp, “đắc” chính là khế hợp, vô sở đắc thì bèn khế hợp với trung đạo. Kinh Kim Cang nói: Vô trụ mà sanh tâm, sanh tâm mà vô trụ thì chính là trung đạo.



“*Trong ngoài tương ứng*”, “trung” là bên trong, là nội tâm; “biểu” là biểu hiện ra bên ngoài. Trong ngoài như nhau, cho nên trong và ngoài tương ứng. Không có sắp đặt mà có thể “*tự nhiên nghiêm chỉnh*”, tự nhiên bèn rất trang nghiêm chỉnh tề.

“*Kiểm thúc, thâm liễm, đoan nghiêm, chánh trực*”. “Kiểm” là kiểm thúc, không phân tán; “liễm” là thâm liễm, chính là tai mắt miệng mũi đều tự đoan chánh. Thâm nhiếp sự nghe nhìn, không rong ruổi ra bên ngoài, nghe chính mình, xoay lại nghe tự tánh thì gọi là thâm liễm. “Đoan” là đoan chánh, “trực” là không cong queo mà chánh trực. Không đuổi theo duyên trần ở bên ngoài.

“*Thân tâm khiết tịnh, không có tham ái*”, thân tâm đều thanh khiết, chẳng có thứ ưa thích, chẳng có thứ tham cầu.

“*Chí nguyện an định, không tăng chẳng giảm*”, hai câu này đối với người tu hành mà nói, là điểm then chốt của việc dụng công thành hay bại. Phạm là người thành công thì nhất định là chí nguyện an định, chí nguyện phát ra an định, cũng chính là kiên định. Thánh chúng cõi đó đều là như vậy, chẳng có lúc lạnh lúc nóng, không phải bất chợt lại phát ra một nguyện mới nào đó, hoặc lại buông bỏ một nguyện nào đó. “Không tăng chẳng giảm”, chẳng hề quá mức hay bất cập, không có những việc này.

“*Cầu đạo hòa chánh*”, hòa bình trung chánh mà cầu đạo Vô thượng.

“*Không làm theo tà*”, “khuynh” là nghiêng lệch, “tà” là tà ác. Hiện nay sự việc tà ác rất nhiều, người tu hành hễ không cẩn thận liền bị tà lệch làm cho lầm lạc, mắc lừa rồi. “Cầu đạo hòa chánh” là không được gấp gáp dụng công, hễ gấp gáp tiến lên sẽ luôn luôn thất bại; cũng không thể chậm chạp, chậm chạp là giải đãi, công phu chẳng thể đắc lực, cần phải biết hòa chánh.

“*Không làm theo tà*”, pháp thế gian có rất nhiều nhánh rẽ, hiện nay chánh đạo đã mất rồi, đều là các nhánh rẽ, nhánh rẽ là tà đạo, vì vậy ngày nay thế giới đại loạn, lòng người không có chỗ nương tựa, không có chỗ quay về, không có chỗ dựa, không có tiêu chuẩn của thiện ác lợi hại, điều này đáng sợ biết bao! Đây là tướng trạng của thiên hạ đại loạn. Chúng ta bình lặng quan sát xã hội hiện nay, quả thật là đầy dẫy nguy cơ, vô cùng đáng sợ! Quay đầu nhìn nơi cửa Phật thì cũng không

ngoại lệ, Phật pháp ngày nay cũng là tà lệch, tà đến mức chẳng ra thể thống gì. May là bộ kinh này đã nói về tiêu chuẩn thiện ác rất rõ ràng.

Thế nào là chánh? Thanh tịnh là chánh, bình đẳng là chánh, giác là chánh. Thế nào là tà? Tâm không thanh tịnh chính là tà, tâm không bình đẳng chính là tà, tâm không giác ngộ chính là tà. Tiêu chuẩn nằm ngay trên tựa đề kinh, chúng ta tu đạo phải tận tâm tận lực, giống như thái độ của Bồ-tát vậy, “ngoài tựa như an nhàn, bên trong luôn tinh tấn”, đây là tướng của hòa chánh.

Làm thế nào làm được hòa chánh? Kinh văn tiếp theo sẽ giải thích cụ thể.

Đại sư Ấn Quang đối với câu “không làm theo tà” có phần khai thị hết sức thấu triệt, nói trúng tâm can, đọc rồi chẳng những một phen chấn động mà còn vỗ bàn khen tuyệt, quả không hổ danh là tổ sư một đời, nói quá hay!

Xem xem tổ sư răn dạy chúng ta “không làm theo tà” như thế nào.

“Kẻ ngu ở thế gian, ai cũng thích tự lập ra môn phái, trộm lấy lời lẽ của tam giáo mà lập nên một đạo bí mật chẳng được phép nói cho người. Do là bí truyền nên người cũng không biết nội dung, cho nên đều như ruồi xanh bầu vào chỗ thối. Nhất là việc thề thốt trước khi truyền đạo, nên khiến kẻ ngu có chết cũng không dám trái nghịch. Hết thấy ngoại đạo của thế gian đều dựa vào hai cách này mà lộng hành khắp thiên hạ, chẳng ai có thể diệt được. Ví phỏng bọn họ không nhờ hai cách này thì không có ngoại đạo nào có thể tồn tại ở thế gian”.

“Ngày nay mỗi ngoại đạo thấy đều dùng bí truyền mà dẫn dắt kẻ vô tri vào trong giáo lý của họ. Lúc sắp muốn vào thì bắt phải thề thốt, sau này nếu làm kẻ phản giáo thì sẽ bị ác báo thế này thế nọ. Thật ra đa phần đều là pháp lừa người, nhưng do đã thề thốt nên dù biết là sai cũng chẳng dám làm trái hoặc phơi bày ra, quá đáng lắm thay. Pháp bí truyền thề thốt của ngoại đạo khiến người mê hoặc lún sâu, trói người rất chặt. Đức Phật của chúng ta chẳng có pháp bí truyền, một người nói như vậy, muôn người cũng nói như vậy. Đóng kín hết các cửa, bên ngoài lập lính canh, chỉ cho phép một người vào trong, lại còn nhỏ tiếng không để bên ngoài nghe thấy, đạo như vậy thì làm sao chánh đại quang minh được”.

Tổ sư đã cho bạn tấm kính chiếu yêu, vì sao bạn không dùng?

Ở thế giới Cực Lạc vĩnh viễn không có những việc đã nói ở trên, bởi vì mọi người đều có thể “*tuân theo những ước thúc, giáo lệnh trong kinh*”. Thuận theo sự

ước thúc và giáo lệnh của kinh sách, tôn trọng kinh giáo, đó là quy y pháp, quy y chính là quy mạng. Trong Mật tông nếu làm trái lời Phật dạy thì phải vào địa ngục, giới điều này rất tuyệt. Thế nên nếu tùy tiện học Mật thì ắt có phần đọa địa ngục, bởi vì bạn cứ phá giới mãi. Đây là lời của Hoàng Niệm lão nói, ngài quả là kim cương thượng sư của Mật tông. Bạn phải tuân theo những ước thúc, giáo lệnh trong kinh, nghe lời Phật dạy, bạn có thể làm được không?

Hiện nay rất nhiều người đều muốn tạo riêng kiểu cách mới, tự mình sáng tạo lập dị mà không biết rằng rất nhiều việc biến thành: công không bù nổi tội. Hoằng pháp cũng rất có công, nhưng rất nhiều việc không phù hợp với bản ý của Phật, tự mình bịa ra rất nhiều cách nói, việc này chính là lỗi báng pháp, lỗi lầm này vượt hơn công lao của chính mình.

Cho nên “*chẳng dám sơ sẩy*”, không dám [đề bị] mảy may tổn thất, mảy may trái nghịch, mảy may lơ là. “*Như giữ thùng mực*”, giống như sợi dây thùng được kéo ra từ ống mực của thợ mộc khi thao tác đã nhuộm mực, vừa búng dây lên gỗ liền xuất hiện một đường, thợ mộc dựa theo đường ấy mà cưa. Lúc lập nên đường ấy và cưa gỗ thì không được có mảy may sai lệch.

“*Đều vì mộ đạo, tâm rộng rang, không có ý niệm nào khác*”. Chỉ có hâm mộ đạo, trong tâm rộng rang, không có ý niệm nào khác. Tín tâm kiên định, trí tuệ sáng suốt, cho nên “*chẳng có ưu tư*”. Bởi vì đã có chánh tín nên rất an định, rất vững chãi. Bạn có trí tuệ, đối với tất cả sự việc của thế gian không có lo lắng, đối với pháp cũng không hoài nghi. Theo Tịnh độ tông mà nói thì “*tâm rộng rang, không có ý niệm nào khác*” chính là buông xả vạn duyên, chỉ có một niệm duy nhất, “*chẳng có ưu tư*” thì ngay đó chính là một niệm Phật này.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Tự nhiên vô vi, hư không vô lập. Đạm an vô dục, tác đắc thiện nguyện.  
Tận tâm cầu sách, hàm ai từ mãn, lễ nghĩa đô hợp. Bao la biểu lý, quá độ giải thoát.**

*Tự nhiên vô vi, hư không chẳng lập một pháp. Điềm đạm, an tĩnh, vô dục, tạo thành thiện nguyện. Hết lòng tìm tòi nỗ lực, thương xót từ mãn, đều hợp lễ nghĩa. Sự tướng lý thể viên dung, quá độ giải thoát.*

*“Tự nhiên vô vi”*

“Tự” là tự tánh, “nhiên” chính là “thanh tịnh bản nhiên” mà trong kinh Lăng-nghiêm nói, hoàn toàn là sự hiển lộ của chân tánh. “Vi” là hành vi, là tạo tác, “vô vi” là chẳng có mảy may tạo tác. Trong tâm chúng ta động ý niệm thì đều là tạo tác, tâm đang tạo tác, ý niệm có sanh có diệt. Đoạn trừ vọng niệm sanh diệt này rồi thì chính là “vốn chẳng có một vật” mà đại sư Lục tổ đã nói. Hiển lộ chân thường là chân như bản tánh, chân tâm thường trụ là tâm tự nhiên. Không phải hữu vi, cũng chẳng phải vô vi thì mới là “tự nhiên vô vi”. Vì sao tự nhiên vô vi? Bởi vì khéo hợp trung đạo, khéo thông dong trong trung đạo, chẳng phải dùng một sức lực nào để khắc chế hay tạo tác ra sao, hoặc làm thế nào thế nào đó để đạt được, mà là tự nhiên an trụ ở trong pháp vô vi, đây mới là vô vi thật sự.

*“Hư không chẳng lập một pháp”*

Tỉ dụ cho tâm giống như thái hư không. Trong hư không chẳng lập một pháp, “trong môn này của ta thật chẳng có một pháp để cho người”, chẳng có một pháp nào để cho người cả, nếu lập ra một pháp thì đã hại người rồi. Tâm rỗng như hư không, chẳng lập một pháp chính là nghĩa như vậy. Tâm cũng giống như vậy, thật sự không sanh một niệm, đã không sanh thì đương nhiên không có diệt. Đây là cảnh giới lý nhất tâm thuần chánh, lại còn là công phu sâu trong lý nhất tâm, chẳng phải công phu cạn. Tâm thái của chúng ta hiện nay hoàn toàn tương phản với các ngài, vọng niệm quá nhiều, vương mắc lo âu vô lượng vô biên.

*“Điềm đạm, an tĩnh, vô dục”*, “đạm an” nghĩa là điềm đạm và an tĩnh, dục là mong cầu, như kinh này nói *“cũng chẳng có ý tưởng mong cầu hay không mong cầu”*, hết thảy đều điềm đạm an tĩnh. Có người hỏi, Phật Bồ-tát phát nguyện độ chúng sanh, vậy có xem là dục vọng hay không? Tứ hoàng thế nguyện nói “chúng sanh vô biên thế nguyện độ”, 48 nguyện của A-di-đà Phật, mỗi nguyện đều muốn độ vô biên chúng sanh, đó có phải là dục vọng không? Không phải. Đó là nguyện vọng, chẳng phải dục vọng. Dục vọng là có tâm mong cầu, còn nguyện vương thì không có tâm mong cầu, hai việc này không như nhau.

Hiện nay chúng ta sống rất khổ, Phật vì sao không sót ruột đến độ chúng ta? Bởi vì Phật không có dục vọng, Phật đang trầm tĩnh quan sát thấy chúng ta hiện tại vẫn không muốn được độ, miệng thì nói muốn chứ trong lòng không muốn, nếu hiện tại Phật đến tiếp dẫn vãng sanh thì chúng ta sẽ sợ khiếp vía, hiện tại vẫn chưa

muốn chết, có thể thấy là tâm miệng trái nghịch nhau. Phật Bồ-tát nhìn thấy rất rõ ràng, bạn là giả, chẳng phải thật, thế nên Phật Bồ-tát không đến, nếu như là thật thì Phật Bồ-tát liền đến.

Ở thế gian này dục vọng của chúng ta càng thấp thì trải qua ngày tháng càng vui vẻ, càng hạnh phúc, càng đầy đủ, càng tự tại. Đặc biệt là dục vọng về vật chất, chúng ta ở thế gian này có thể ăn no, mặc ấm, có ngôi nhà nhỏ che mưa chắn gió là đủ rồi. Đừng đi tranh, phô trương với người, đừng so với người xe xịn nhà sang. Ngày ngày so sánh những thứ này thì quá khổ sở, bạn không cảm thấy mệt sao? Điềm đạm, an tĩnh, vô dục là chân tướng đời sống của Phật Bồ-tát, đáng để chúng ta học tập và noi theo.

Tiết học hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!